

Bản án số: 169/2025/HC-PT

Ngày 25-02-2025

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ
trợ và tái định cư”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Ý

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Nơi - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 02 và ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 920/2024/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 313/2024/HC-ST ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Thái Văn M, sinh năm 1953; Địa chỉ: D ấp D, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (có mặt).

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: G T, thị trấn T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh:

1. Ông Nguyễn Tấn T1, chức vụ Phó Trưởng Phòng nghiệp vụ thực hiện dự án số B; (có mặt).

2. Ông Nguyễn Hữu P, chức vụ nhân viên Phòng nghiệp vụ thực hiện dự án 02; (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Thùy L, chức vụ Chuyên viên Phòng T3; (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh là người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người khởi kiện ông Thái Văn M trình bày:

Ngày 21/01/2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2062/QĐ-UBND thu hồi 39,7m² đất do ông Thái Văn M sử dụng có nguồn gốc đất ông bà cho lại năm 1977. Diện tích sử dụng theo hiện trạng là 39,7m², thuộc một phần thửa 261, tờ bản đồ số 13 (theo tài liệu 02/CT-UB); tương ứng một phần thửa số 143, tờ bản đồ số 43 (theo tài liệu BĐĐC) tọa lạc tại ấp D, xã Đ, huyện B để thực hiện Dự án xây dựng đường cao tốc B - L trên địa bàn huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 17/7/2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9602/QĐ-UBND bồi thường hỗ trợ về đất đối với diện tích 39,7m² đã thu hồi cho ông M số tiền 460.837.600 đồng. Ông M đã nhận đủ số tiền trên.

Ngày 28/8/2015, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7429/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung về tài sản và chính sách hỗ trợ khác đối với ông Thái Văn M số tiền 33.267.300 đồng (trong đó hỗ trợ suất đầu tư cơ sở hạ tầng là 32.117.300 đồng). Ông M chưa nhận số tiền này. Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B đã chuyển vào kho bạc Nhà nước huyện B ngày 14/3/2017.

Ngày 20/8/2017, ông M làm đơn gửi Ban bồi thường xin thay đổi phương thức tái định cư từ tự lo nơi ở mới thành nhận nền tái định cư. Ban bồi thường thống nhất ông Thái Văn M đủ điều kiện bố trí tái định cư. Ngày 17/11/2017, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng mời ông lên bốc thăm chọn nền tái định cư. Ông M bốc thăm trúng nền số M126 - khu tái định cư C xã P, huyện B. Ông xin không công nhận kết quả bốc thăm vì khu An Hạ vắng vẻ không người ở, xin được bốc thăm ở khu tái định cư V B.

Ngày 20/9/2019, Ban bồi thường có văn bản số 5709/BBT trả lời đơn khiếu nại của ông M bị ảnh hưởng trong Dự án đường C - L, trên địa bàn huyện B, nội dung: Ban bồi thường đang phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đ kiểm tra xác minh nơi ở khác của ông M trên địa bàn xã Đ, sau khi Ủy ban nhân dân xã có ý kiến sẽ tham mưu văn bản và trình Hội đồng bồi thường Dự án thống nhất thông qua.

Ngày 30/12/2019, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B ban hành văn bản số 7597/BBT nội dung sau khi Hội đồng bồi thường dự án tổ chức họp và thống nhất thông qua, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ tham mưu trình Ủy

ban nhân dân huyện B thực hiện việc bố trí tái định cư đối với trường hợp ông Thái Văn M theo quy định.

Ngày 05/9/2019, ngày 08/3/2020, ngày 05/5/2021, ông M nộp đơn yêu cầu được tổ chức lại bốc thăm nhận nền tái định cư, ngày 25/6/2021 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Văn bản số 2716/ UBND phúc đáp nội dung đơn của ông Thái Văn M, nội dung theo thông báo số 19/TB – BCĐBT ngày 25/02/2020 của Ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ tái định cư Thành phố giải quyết một số vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện B, tại mục 2 có nội dung: “*Không chấp thuận cho thay đổi phương thức tái định cư đối với các hộ dân xin thay đổi phương thức tái định cư...*”. Như vậy, trường hợp ông Thái Văn M đã được Ủy ban nhân dân huyện B giải quyết chính sách tái định cư theo quy định, ông M đã chọn phương thức tự lo nơi ở mới, do đó không có cơ sở xem xét bố trí nền tái định cư.

Không đồng ý với nội dung công văn 2716/ UBND, ngày 19/4/2022 ông M khởi kiện đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu hủy văn bản số 2716/UBND ngày 25/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B thực hiện việc bố trí nền tái định cư cho ông với lý do ngày 20/11/2014, Hội đồng bồi thường của dự án xây dựng đường cao tốc B- L trên địa bàn huyện B có biên bản số 340/BB- HĐBT thông qua danh sách xét duyệt tái định cư và danh sách số 2582/BBT ngày 16/10/2014 trong đó có trường hợp của ông đủ điều kiện tái định cư. Ông chưa nhận tiền hỗ trợ.

- Người bị kiện có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và trình bày qua văn bản như sau:

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 01/HĐĐĐ/BBT-ĐP304 ngày 20 tháng 5 năm 2013 do Công ty TNHH Đ lập được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 04 tháng 12 năm 2013 được ông Thái Văn M ký xác nhận, vị trí khu đất do ông Thái Văn M sử dụng ảnh hưởng Dự án diện tích 39,7m² thuộc một phần thửa số 261, tờ bản đồ số 13 (tài liệu 02/CT-UB); tương ứng một phần thửa số 143, tờ bản đồ số 43 (tài liệu BĐĐC) Bộ địa chính xã Đ, huyện B (Theo bản vẽ nhà của ông Thái Văn M do Công ty TNHH Đ lập ngày 20 tháng 5 năm 2013).

Theo Biên bản đo đạc và kiểm kê tài sản của người có tài sản gắn liền với đất do Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện B lập ngày 20 tháng 12 năm 2012. Theo Phiếu kê khai nhà, đất và tài sản bị ảnh hưởng trong Dự án đường C - L, trên địa bàn huyện B do ông Thái Văn M lập ngày 20 tháng 12 năm 2012, được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận ngày 13/11/2013. Ông Thái Văn M sử dụng nhà đất có diện tích theo hiện trạng 39,7m², thuộc một phần thửa 261, tờ bản đồ số 13 (theo tài liệu 02/CT-UB); tương ứng một phần thửa số 143, tờ bản đồ số 43 (theo tài liệu BĐĐC) tại địa chỉ ấp D, xã Đ, huyện B có nguồn gốc là đất ở do ông bà cho lại năm 1977, hiện không tranh chấp.

Ngày 21 tháng 01 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 2062/QĐ-UBND về thu hồi đất do ông Thái Văn M sử dụng, tại xã Đ để thực hiện Dự án xây dựng đường C - L trên địa bàn huyện B, vị trí thuộc một phần

thửa số 261, tờ bản đồ số 3 (tài liệu 02/CT-UB); tương ứng một phần thửa số 143, tờ bản đồ số 43 (tài liệu BĐĐC), diện tích 39,7m², Bộ địa chính xã Đ, huyện B.

Ngày 17 tháng 7 năm 2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9602/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ đối với ông Thái Văn M, với số tiền 460.837.600 đồng (kèm Phiếu chiết tính số 555/PCT-BBT ngày 24 tháng 4 năm 2014), trong đó, hỗ trợ đất ở với diện tích 39,7m², ông M đã nhận số tiền trên (kèm Giấy rút tiền mặt số 366 ngày 06 tháng 4 năm 2015).

Ngày 28 tháng 8 năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7429/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông Thái Văn M, với số tiền 33.267.300 đồng (kèm Phiếu chiết tính số 2005/PCT-BBT ngày 18 tháng 8 năm 2015).

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 145/QĐ-UBND về khen thưởng đối với ông Thái Văn M, với số tiền 5.000.000 đồng (kèm Phiếu chiết tính số 3163/PCT-BBT ngày 03 tháng 01 năm 2018), ông Thái Văn M đã nhận tiền khen thưởng nêu trên, (kèm Giấy rút tiền mặt số 0750 ngày 09 tháng 9 năm 2019).

Về giải quyết tái định cư: Căn cứ nguồn gốc quá trình sử dụng đất của ông Thái Văn M được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận, trường hợp ông Thái Văn M đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ nhà ở, đất ở, do đó đủ điều kiện tái định cư (đã được Hội đồng Bồi thường Dự án thông qua tại Biên bản số 340/BB-HĐBT ngày 20 tháng 11 năm 2014). Căn cứ Phiếu đăng ký phương thức nhận tái định cư ngày 02 tháng 10 năm 2014 của ông Thái Văn M, ông M chọn phương thức tự lo nơi ở mới. Ban Bồi thường, giải phóng mặt bằng đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7429/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2015 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông Thái Văn M, với số tiền 33.267.300 đồng, trong đó, hỗ trợ chi phí suất đầu tư hạ tầng là 32.117.300 đồng, ông Thái Văn M chưa nhận số tiền suất đầu tư hạ tầng nêu trên. Căn cứ Khoản 8, Phần II, Chương VI của Phương án số 18/PA-HĐBT ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Hội đồng Bồi thường dự án xây dựng đường C -L trên địa bàn huyện B đã được Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt tại Quyết định số 2684/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014, có nội dung: *“8. Hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất ở phải di chuyển chỗ ở và đủ điều kiện tái định cư mà tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ một khoản tiền bằng chi phí đầu tư hạ tầng/m² do Bộ X công bố; cụ thể căn cứ Công văn số 3622/UBND-ĐTMT ngày 17 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về xác định mức chi phí đầu tư hạ tầng để tính chi phí hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất là 809.000 đồng/m². Diện tích để tính hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế bị thu hồi, nhưng không quá hạn mức giao đất ở theo quy định, trừ trường hợp đã được nhận khoản tiền hỗ trợ tái định cư quy định tại khoản 5 Phần này.”*

Trên cơ sở xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ và căn cứ các quy định nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Thái Văn M ảnh hưởng Dự án xây dựng đường C là đúng quy định. Do, trường hợp ông Thái Văn M trước đây chọn phương

thức tái định cư tự lo nơi ở mới và được Ủy ban nhân dân Huyện ban hành Quyết định số 7429/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2015 về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với ông Thái Văn M, với số tiền 33.267.300 đồng, trong đó, hỗ trợ chi phí suất đầu tư hạ tầng là 32.117.300 đồng. Nay, ông Thái Văn M quay lại đề nghị nhận nền tái định cư là không có cơ sở xem xét giải quyết. Do đó, ngày 25 tháng 6 năm 2021 Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Công văn số 2716/UBND về việc phúc đáp nội dung đơn của ông Thái Văn M ảnh hưởng Dự án xây dựng đường cao tốc B-L là đúng quy định.

Ủy ban nhân dân huyện B đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bác các nội dung khởi kiện của ông Thái Văn M và công nhận Công văn số 2716/UBND ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 313/2024/HC-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn M: Hủy một phần văn bản số 2716/UBND ngày 25/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc không xem xét bố trí nền tái định cư cho ông Thái Văn M. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ công vụ lập trình tự, thủ tục giao nền tái định cư cho ông Thái Văn M theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 29/8/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B là người bị kiện, kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 313/2024/HC-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn M.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Dự án xây dựng đường C- Dầu Dây thu hồi đất của ông Thái Văn M, khi xem xét bố trí tái định cư nhưng ông M lựa chọn tự lo chỗ ở, sau đó ông M thay đổi nhận nền. Ban bồi thường ban đầu cũng đồng ý và bố trí bốc thăm chọn nền, ông M được bố trí trong khu tái định cư A, ông M không chịu nhận xin qua khu V, lúc này do có nhiều người xin thay đổi nên Ban bồi thường gặp khó khăn, vướng mắc, xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố H, sau đó Ủy ban nhân dân Thành phố H có Thông báo số 19 không chấp nhận cho thay đổi, Khu tái định cư A cũng đã giao cho dự án khác, địa phương hiện không còn điều kiện bố trí và xét điều kiện của ông M không quá khó khăn về chỗ ở nên không có cơ sở bố trí nền tái định cư. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M để đảm bảo tính công bằng cho các trường hợp khác tương tự trong dự án như ông Phan Thanh T2, ông Nguyễn Văn M1.

Người khởi kiện trình bày: Hiện chỗ ở tôi có khó khăn, đang ở cùng con trai, nhà mua nhưng không sang tên được, đề nghị được bố trí nền tái định cư.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: xét thấy việc thay đổi yêu cầu nhận nền tái định cư của ông M không phù hợp điều kiện quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố H, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B được thực hiện trong thời hạn kháng cáo, hợp lệ nên được thụ lý và xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện:

Văn bản số 2716/UBND ngày 25/6/2021 thể hiện quyết định của Ủy ban nhân dân huyện B đối với yêu cầu xin nhận nền tái định cư của ông M không có nội dung giải quyết khiếu nại về các quyết định thu hồi, bồi thường về đất nên là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính thuộc quan hệ tranh chấp về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”. Do đó, quan hệ tranh chấp trên được pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định đối tượng khởi kiện, người bị kiện và thụ lý, giải quyết là đúng quy định. Ngày 19/4/2022 ông M nộp đơn khởi kiện đến Tòa án là chưa quá 01 năm kể từ ngày biết được quyết định hành chính nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết xác định đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về thẩm quyền ban hành Văn bản số 2716/UBND ngày 25/6/2021: Ủy ban nhân dân huyện B ban hành đúng thẩm quyền được quy định Điều 42 Luật Đất đai năm 2003, Điều 83, 86 Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

[3.2] Về nội dung:

[3.2.1] Ông Thái Văn M bị thu hồi toàn bộ diện tích 39,7m² thuộc xã Đ, huyện B để thực hiện dự án xây dựng đường C - L theo Quyết định thu hồi đất số

2062/QĐ-UBND ngày 21/01/2014. Theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 18/PA-HĐBT ngày 22/01/2014, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 9602/QĐ-UBND ngày 17/7/2014 về bồi thường hỗ trợ cho ông M số tiền là 460.837.600 đồng; ông M được Ủy ban nhân dân xã Đ xác nhận, ông đủ điều kiện được tái định cư theo quy định của pháp luật và đã được Hội đồng bồi thường dự án thông qua tại biên bản số 340/BB-HĐBT ngày 20/11/2014. Thời điểm này ông M lựa chọn phương thức nhận tiền tự lo nơi ở mới. Ngày 28/8/2015, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 7429/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ bổ sung về tài sản và chính sách hỗ trợ khác đối với ông M số tiền 32.117.300 đồng. Năm 2017, ông M chưa nhận số tiền này và có đơn xin thay đổi phương thức từ tự lo nơi ở mới sang nhận nền tái định cư và đã được Hội đồng bồi thường dự án thống nhất cho ông M đủ điều kiện nhận nền tái định cư theo công văn số 9514/BBT ngày 06/11/2017. Ngày 17/11/2017, Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng đã tổ chức bốc thăm chọn nền tái định cư đối với các hộ dân bị ảnh hưởng trong dự án. Ông M đã bốc thăm được nền tái định cư số M126 - khu tái định cư C xã P, huyện B. Ông M không đồng ý nhận nền tái định cư và đề nghị được bố trí tái định cư tại khu tái định cư V, huyện B. Việc, thay đổi phương thức tái định cư sau khi đã bố trí nhận tiền hỗ trợ là nội dung không được quy định tại Phương án số 18. Tại Mục II Chương VII Phương án số 18 quy định: “*Những trường hợp không quy định tại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư này thì áp dụng tương tự theo quy định tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP*”. Tại Điều 25, Điều 30 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP quy định Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện là tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư có trách nhiệm lập và trình phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; khoản 2 Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án bồi thường.

[3.2.2] Ủy ban nhân dân huyện B căn cứ vào thông báo số 19/TB-BCĐBT ngày 25/02/2020 của Ban chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ tái định cư Thành phố giải quyết một số vướng mắc về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn huyện B, tại mục 2 có nội dung “*Không chấp thuận cho thay đổi phương thức tái định cư đối với các hộ dân xin thay đổi phương thức tái định cư nằm ngoài số lượng nền tái định cư đã được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận theo văn bản số 1355/UBND ngày 17/3/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố vì các hộ dân đã đăng ký không nhận nền tái định cư, đã nhận tiền suất đầu tư hạ tầng, đăng ký tự lo nơi ở mới và đảm bảo rà soát theo văn bản số 8056/UBND-ĐT ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố*”. Theo thông báo này Ủy ban nhân dân huyện B phải rà soát lại theo văn bản 8056/UBND-ĐT, theo Báo cáo số 1121 ngày 29/4/2021 của Ủy ban nhân dân xã Đ về việc thẩm tra nhu cầu Tái định cư của các hộ dân bị ảnh hưởng dự án cao tốc B - L tại mục 11 có nội dung ông Thái Văn M không có khó khăn về nhà ở (đang ở cùng con trai) không đủ điều kiện để được nhận nền tái định cư.

[3.2.3]. Từ những căn cứ trên cho thấy, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng ông M có khó khăn về nhà ở, Thông báo số 19 cũng đồng ý xem xét tái định cư, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thuộc Ủy ban nhân dân huyện B đã chấp thuận

ban hành kế hoạch, tổ chức bốc thăm nhận nền tái định cư và cho rằng không có văn bản nào quy định khi đã lựa chọn nhận tiền thì không được thay đổi nhận nền tái định cư nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc Ủy ban nhân dân huyện B xét bố trí nền tái định cư đối với ông M là chưa đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện B đã xem xét đầy đủ trình tự, thực hiện theo đúng thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi hợp pháp chính đáng cho người có đất bị thu hồi và ông M thay đổi yêu cầu nhưng nằm ngoài số lượng nền tái bố trí và chưa được phê duyệt bổ sung cho dự án, không phù hợp theo Phương án số 18 và tình trạng của địa phương, không phù hợp với các trường hợp tương tự trong cùng dự án nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

[4] Với các nhận định trên thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn M là không phù hợp tình hình, điều kiện của địa phương, nên kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B là có cơ sở, được chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận kháng cáo sửa án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

[6] Do kháng cáo được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân huyện B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Án phí sơ thẩm ông M phải chịu nhưng được miễn do là người cao tuổi.

[7] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 2 Điều 241; Điều 349 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện B. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 313/2024/HC-ST ngày 24/7/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể tuyên:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Điều 42 Luật Đất đai năm 2003; Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn M về việc: Hủy văn bản số 2716/UBND ngày 25/6/2021 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc không xem xét bố trí nền tái định cư cho ông Thái Văn M; Buộc Ủy ban nhân dân huyện B,

Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện nhiệm vụ công vụ lập trình tự, thủ tục giao nền tái định cư cho ông Thái Văn M theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm, phúc thẩm: Ủy ban nhân dân huyện B không phải nộp, số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm là 300.000đ được hoàn trả theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0041310 ngày 20/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí hành chính sơ thẩm ông Thái Văn M được miễn.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các Đương sự;
- Lưu HSVA, VTLT, (18b-TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Minh